

tại Việt Nam, Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 42-TC/TCT ngày 1-6-1995 như sau:

**1. Bổ sung Điểm 1c Thông tư số 42-TC/TCT ngày 1-6-1995 về đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ xe ô-tô, xe gắn máy các loại đối với:**

Nhân viên hành chính kỹ thuật của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, viên chức các tổ chức quốc tế liên Chính phủ được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ không phải là công dân Việt Nam hoặc không thường trú tại Việt Nam.

Các đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ quy định tại Điểm 1c Thông tư số 42-TC/TCT ngày 1-6-1995 và điểm này phải là những đối tượng được Bộ Ngoại giao Việt Nam hoặc các cơ quan ngoại vụ địa phương được Bộ Ngoại giao ủy quyền cấp chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ.

**2. Điểm 1c Thông tư số 42-TC/TCT quy định các đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ phải có xác nhận của Bộ Ngoại giao (Cục Phục vụ ngoại giao) hoặc các Ban, Sở Ngoại vụ các tỉnh, thành phố về việc đăng ký biển số xe NG, nay được sửa đổi như sau:**

Các đối tượng thuộc diện không phải nộp lệ phí trước bạ hướng dẫn tại Thông tư số 42-TC/TCT ngày 1-6-1995 và Điểm 1 Thông tư này trước khi đăng ký phải kê khai và xuất trình cho cơ quan thuế địa phương nơi đăng ký quyền sở hữu, sử dụng xe hồ sơ về nguồn gốc hợp pháp của tài sản và chứng minh thư ngoại giao màu đỏ hoặc chứng minh thư công vụ màu vàng theo quy định của Bộ Ngoại giao.

Cơ quan thuế nhận được hồ sơ, thực hiện kiểm tra, đối chiếu tên người có xe ghi trên tờ khai với tên của người ghi trong chứng minh thư để xác nhận vào tờ khai theo hướng dẫn tại Điểm 1, Mục III, Thông tư số 19-TC/TCT ngày 16-3-1995 của Bộ Tài chính. Trường hợp kiểm tra đối tượng có xe đăng ký không thuộc diện ưu đãi miễn trừ

nêu trên thì phải hướng dẫn cho đối tượng thực hiện nộp lệ phí trước bạ theo chế độ quy định.

**3. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các nội dung khác không sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này vẫn thực hiện theo quy định hiện hành.**

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thủ trưởng

VŨ MỘNG GIAO

**THÔNG TƯ số 35/1998/TT-BTC ngày 21-3-1998 hướng dẫn về thủ tục miễn thuế nhập khẩu đối với các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí theo quy định của Luật Dầu khí.**

*Căn cứ Luật Dầu khí được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 6 tháng 7 năm 1993; Nghị định số 84-CP ngày 17-12-1996 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dầu khí;*

*Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 11 năm 1996; Nghị định số 12-CP ngày 18-2-1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định số 10/1998/NĐ-CP ngày 23-1-1998 của Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích và bảo đảm hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 54-CP ngày 28-8-1993 của Chính*

*phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;*

*Căn cứ Hiệp định liên Chính phủ ký ngày 16 tháng 7 năm 1991 về việc tiếp tục khai thác trong lĩnh vực thăm dò địa chất và khai thác dầu và khí ở thềm lục địa phía Nam Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong khuôn khổ Xí nghiệp liên doanh Việt Xô "Vietsoupetro";*

*Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 6158-KTTH ngày 3-12-1997 về việc miễn thuế nhập khẩu đối với các hợp đồng dầu khí;*

*Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc miễn thuế nhập khẩu đối với các tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động dầu khí trên cơ sở hợp đồng dầu khí theo quy định của Luật Dầu khí như sau:*

## I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí là đối tượng được miễn nộp thuế nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này bao gồm:

- Xí nghiệp liên doanh dầu khí được định nghĩa tại Khoản 10, Điều 3 của Luật Dầu khí;

- Nhà thầu được định nghĩa tại Khoản 8, Điều 3 của Luật Dầu khí.

2. Hàng hóa của tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí được miễn thuế nhập khẩu bao gồm:

- Hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều 11 của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành;

- Hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Điều 63 của Nghị định số 12-CP của Chính phủ ngày 18-2-1997 và theo quy định tại Điều 10 của Nghị định số 10/1998/NĐ-CP của Chính phủ ngày 23-1-1998;

- Vật tư, thiết bị, nhiên liệu nhập khẩu phục vụ hoạt động dầu khí theo quy định tại Khoản 5,

Điều 28 của Luật Dầu khí và quy định tại Điều 41 của Nghị định số 84-CP ngày 17-12-1996;

- Vật tư, thiết bị nhập khẩu theo phương thức "tạm nhập tái xuất" để phục vụ cho hoạt động dầu khí theo quy định tại Khoản 5, Điều 28 của Luật Dầu khí và quy định tại Điều 41 của Nghị định số 84-CP ngày 17-12-1996;

- Hàng hóa tiêu dùng là thực phẩm, thuốc y tế phục vụ ngoài giàn khoan mà Việt Nam chưa sản xuất được.

3. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí phải nộp thuế nhập khẩu và các loại thuế, lệ phí khác (nếu có) đối với ô-tô các loại nhập khẩu (trừ phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và phương tiện vận tải dùng để đưa đón công nhân bao gồm ô-tô trên 24 chỗ ngồi và phương tiện thủy) và phải nộp các loại thuế, lệ phí khác (nếu có) đối với các hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu nêu tại Điểm 1, Mục I của Thông tư này.

## II. THỦ TỤC MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU

Theo đề nghị của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam, căn cứ vào quy mô hoạt động của từng hợp đồng dầu khí, Bộ Thương mại duyệt danh mục vật tư, thiết bị, nhiên liệu, thực phẩm và thuốc y tế các loại phục vụ ngoài giàn khoan được miễn thuế nhập khẩu cho từng hợp đồng dầu khí. Đối với hàng hóa tiêu dùng là thực phẩm và thuốc y tế các loại phải là các hàng hóa Việt Nam chưa sản xuất được và sau khi có ý kiến của các cơ quan quản lý chuyên ngành.

Căn cứ vào danh mục vật tư, thiết bị, nhiên liệu được miễn thuế nhập khẩu đã được Bộ Thương mại xét duyệt, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo dõi việc nhập khẩu miễn thuế của các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí.

Trường hợp các nhà thầu phụ nhập khẩu hàng hóa theo sự ủy quyền của các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí thông qua các hợp đồng dịch vụ dầu khí trên cơ sở danh mục hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu do Bộ Thương mại duyệt cho tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí thì Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo dõi việc miễn thuế nhập khẩu như đối với các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí.

### III. TRUY THU THUẾ NHẬP KHẨU

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng hàng hóa, vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải đã được miễn thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) nếu sử dụng vào mục đích khác không nhằm mục đích phục vụ hoạt động dầu khí hoặc nhượng bán tại Việt Nam thì phải được phép của Bộ Thương mại và phải kê khai và truy nộp thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và các loại thuế khác có liên quan trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày lý do miễn thuế thay đổi.

Đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu theo phương thức "tạm nhập tái xuất" được miễn nộp thuế nhập khẩu, trường hợp không tái xuất ra khỏi Việt Nam sau khi kết thúc hợp đồng hoặc nhượng bán tại Việt Nam phải kê khai và truy nộp thuế nhập khẩu trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày lý do miễn thuế thay đổi.

Trường hợp tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí chuyển giao ô-tô được miễn thuế nhập khẩu và miễn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) cho Tổng công ty Dầu khí Việt Nam theo cam kết tại các hợp đồng dầu khí thì Tổng công ty Dầu khí Việt Nam là đối tượng phải truy nộp thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có).

Việc kê khai và truy nộp thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) thực hiện như hướng dẫn tại Luật Thuế xuất khẩu, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, các văn bản pháp luật hiện hành hướng

dẫn hai Luật trên và Thông tư số 65-TC/TCT ngày 24-9-1996 của Bộ Tài chính hướng dẫn về cách xác định giá tính thuế nhập khẩu và giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hóa nhập khẩu miễn thuế nay thay đổi lý do miễn thuế.

2. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí không phải truy thu thuế nhập khẩu và các loại thuế khác có liên quan đối với các trường hợp sau:

Chuyển giao vật tư, thiết bị nhập khẩu miễn thuế cho Tổng công ty Dầu khí Việt Nam theo thỏa thuận trong các hợp đồng dầu khí để phục vụ cho hoạt động dầu khí.

Chuyển nhượng ô-tô nhập khẩu miễn thuế cho các tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động dầu khí trong trường hợp chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng dầu khí. Quy định này chỉ áp dụng đối với số ô-tô được miễn thuế nhập khẩu trước khi ban hành Thông tư này.

3. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí không phải truy thu thuế nhập khẩu nhưng phải nộp các loại thuế khác có liên quan đối với các trường hợp chuyển nhượng các vật tư, thiết bị được nhập khẩu miễn thuế cho các tổ chức, cá nhân khác để thực hiện hoạt động dầu khí.

### IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này áp dụng đối với các tờ khai hải quan kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1998. Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Thông tư này thay thế cho Thông tư số 75-TC/TCT ngày 20-10-1995 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện, có gì vướng mắc, đề nghị các cơ quan phản ánh về Bộ Tài chính để có hướng dẫn bổ sung kịp thời.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thứ trưởng

VŨ MỘNG GIAO